

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:  
Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất thực hiện Đề án Mô hình cơ sở  
trợ giúp xã hội chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng  
cho người tâm thần tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Thanh Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 3121/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án Mô hình Cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Thanh Hóa và Trung tâm Chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Đề án Mô hình Cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Thanh Hóa và Trung tâm Chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9809/SXD-HĐXD ngày 30/12/2022 kèm theo Tờ trình số 182/TTr-SLĐTBXH ngày 23/12/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Báo cáo kết quả thẩm tra số 603/TTKĐ-KĐXD ngày 28/12/2022 của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất thực hiện Đề án Mô hình cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Thanh Hóa, với các nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất thực hiện Đề án Mô hình cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Thanh Hóa.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.

**3. Chủ đầu tư:** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa.

**4. Địa điểm xây dựng:** Trong khuôn viên Trung tâm Bảo trợ xã hội Thanh Hóa tại xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**5. Nhà thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:** Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Tây Thành.

**6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:** Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

**7. Mục tiêu đầu tư:** Nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý, chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần tại các cơ sở trợ giúp xã hội đáp ứng được nhu cầu của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả.

#### **8. Nội dung và quy mô đầu tư:**

Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Thanh Hóa gồm các hạng mục: Khu hành chính; nhà số 1, số 2 (Khoa 3-Khoa bệnh nhân); nhà số 1 (Khoa 4-Khoa bệnh nhân); hệ thống thoát nước khoa 3-4; sân đường nội bộ, với các nội dung chủ yếu sau:

##### **8.1. Hạng mục: Khu hành chính.**

- Phần nền: Nền tầng 1 bóc 10cm nền sau đó đổ bù bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm. Bóc lớp gạch hiện trạng tầng 1 và tầng 2, lát lại bằng gạch kích thước 600mmx600mm. Nền vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300mmx300mm;

- Phần tường: Đục toàn bộ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà sau đó trát lại, lăn sơn hoàn thiện. Ốp lại tường khu vệ sinh bằng gạch 300mmx600mm cao 1,8m;

- Phần cửa: Thay thế hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm. Thay thế toàn bộ hoa sắt cửa sổ;

- Phần mái: Thay thế mái tôn, chống thấm toàn bộ sê nô.

- Phần sân, bồn hoa trước nhà: Sân có diện tích 620 m<sup>2</sup>, bóc lớp gạch hiện trạng, đổ bù bê tông đá 1x2 M200, lát đá Marble kích thước (400x400x40)mm. Thành và mặt ngoài bồn hoa bóc lớp gạch ốp hiện trạng sau đó ốp lại bằng đá Marble kích thước (100x100x40)mm.

##### **8.2. Hạng mục: Nhà số 1 (Khoa 3-khoa bệnh nhân).**

- Phần nền: Bóc lớp gạch hiện trạng, bóc 10cm nền hiện trạng sau đó đổ bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm; lát lại bằng gạch kích thước 600mmx600mm;

- Phần tường: Đục toàn bộ lớp vữa trát tường toàn nhà sau đó trát lại, lăn sơn hoàn thiện. Tường trong phòng ốp gạch 300mmx600mm;

- Phần cửa: Thay thế hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa gỗ lim (khuôn học kép); thay thế toàn bộ hoa sắt cửa sổ;

- Phần mái: Thay thế mái tôn, chống thấm toàn bộ sê nô.

8.3. Hạng mục: Nhà số 2 (Khoa 3-khoa bệnh nhân).

- Khu nội trú:

- + Phần nền: Bóc lớp gạch hiện trạng, bóc 10cm nền hiện trạng sau đó đổ bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm; lát lại bằng gạch kích thước 600mmx600mm;

- + Phần tường: Đục toàn bộ lớp vữa trát tường toàn nhà sau đó trát lại, lăn sơn hoàn thiện. Tường trong phòng ốp gạch 300mmx600mm;

- + Phần cửa: Thay thế hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa gỗ lim (khuôn học kép); thay thế toàn bộ hoa sắt cửa sổ;

- + Phần mái: Thay thế mái tôn, chống thấm toàn bộ sê nô.

- Khu vệ sinh:

- + Phần tường: Đục toàn bộ lớp vữa trát tường toàn nhà sau đó trát lại, lăn sơn hoàn thiện. Tường trong phòng ốp gạch 300mmx600mm;

- + Phần nền: Bóc lớp gạch hiện trạng, bóc 10cm nền hiện trạng sau đó đổ bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm; lát lại bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm.

8.4. Hạng mục: Nhà số 1 (Khoa 4-khoa bệnh nhân).

- Phần nền: Bóc lớp gạch hiện trạng, bóc 10cm nền hiện trạng sau đó đổ bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm; lát lại bằng gạch kích thước 600mmx600mm;

- Phần tường: Đục toàn bộ lớp vữa trát tường toàn nhà sau đó trát lại, lăn sơn hoàn thiện. Tường trong phòng ốp gạch 300mmx600mm cao sát trần;

- Phần cửa: Thay thế hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa gỗ lim (khuôn học kép); thay thế toàn bộ hoa sắt cửa sổ;

- Phần mái: Thay thế mái tôn, chống thấm toàn bộ sê nô.

8.5. Hạng mục: Hệ thống thoát nước khoa 3, 4.

- Xây cao rãnh thoát nước khoa 3,4 thêm 0,15cm; bổ sung nắp đan rãnh dày 7cm.

- Khơi thông dòng, vét lòng rãnh toàn bộ rãnh thoát nước trong trung tâm; thay thế tấm đan cũ hư hỏng.

8.6. Hạng mục: Sân đường nội bộ.

Làm mới sân đường nội bộ với diện tích 3725,0m<sup>2</sup>, cấu tạo gồm: Lớp sân hiện trạng; đổ bê tông đá 1x2 mác 200 dày 50mm; lát gạch Terazzo kích thước (400x400x40)mm.

**9. Tổng mức đầu tư (làm tròn):** 9.738.864.000 đồng (bằng chữ: Chín tỷ, bảy trăm ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

*Trong đó:*

Chi phí xây dựng:	7.927.250.541	đồng;
Chi phí QLDA:	248.339.140	đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	885.156.798	đồng;
Chi phí khác:	126.860.660	đồng;
Chi phí dự phòng:	551.256.428	đồng.

*(có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**10. Nguồn vốn:** Từ nguồn kinh phí theo Quyết định số 627/QĐ-TTg ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội và Chương trình trợ giúp xã hội đối với người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí.

**11. Các bước thiết kế:** Thiết kế 01 bước.

**12. Hình thức quản lý dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.

**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2022-2023.

**14. Các nội dung khác:** Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9809/SXD-HĐXD ngày 30/12/2022.

**Điều 2.** Chủ đầu tư (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, VX<sub>BTXH169</sub>

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đầu Thanh Tùng**

## Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**Dự án: Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất thực hiện Đề án Mô hình cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>				<b>7.206.591.402</b>	<b>720.659.139</b>	<b>7.927.250.541</b>	<b>Gxd</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,446%</b>		<b>(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ</b>	<b>248.339.140</b>		<b>248.339.140</b>	<b>Gqlđa</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>			<b>3.1+...+3.9</b>	<b>815.061.486</b>	<b>70.095.312</b>	<b>885.156.798</b>	<b>Gtv</b>
3.1	Chi phí khảo sát địa hình			QĐ số 10682/QĐ- SLĐT BXH Tỉnh Thanh Hóa ngày 31/10/2022	30.900.000	2.472.000	33.372.000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	4,185%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	301.595.850	24.127.668	325.723.518	
3.3	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,258%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	18.593.006	1.859.301	20.452.307	
3.4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,25%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	18.016.479	1.801.648	19.818.127	
3.5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,432%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	31.132.475	2.490.598	33.623.073	
3.6	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	236.736.528	23.673.653	260.410.181	
3.7	Chi phí kiểm định chất lượng công trình			QĐ 11535/QĐ-SLĐT BXH ngày 16/11/2022	170.880.556	13.670.444	184.551.000	
3.8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.603.296		3.603.296	
3.9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.603.296		3.603.296	
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>			<b>4.1+...+4.5</b>	<b>119.503.936</b>	<b>7.356.724</b>	<b>126.860.660</b>	<b>Gk</b>

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,08%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	5.765.273	576.527	6.341.800	
4.2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.850.384		1.850.384	
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,419%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	20.412.658		20.412.658	
4.4	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,696%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	67.801.968	6.780.197	74.582.165	
4.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	10%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	23.673.653		23.673.653	
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>			<b>5.1+5.2</b>			<b>551.256.428</b>	<b>Gdp</b>
5.1	Dự phòng phát sinh khối lượng	5%		(Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			459.380.357	
5.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	1%		(Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			91.876.071	
	<b>Tổng cộng</b>						<b>9.738.863.567</b>	<b>TMDT</b>
	<b>Làm tròn</b>						<b>9.738.864.000</b>	